

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động
Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Cần Thơ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Sau khi xem xét Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Cần Thơ; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế và ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Cần Thơ như sau:

1. Quy định chung

- Việc chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phải có trong dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở chế độ, định mức được quy định tại Nghị quyết này và các quy định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Sử dụng có hiệu quả kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân; đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng.

- Việc chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân, tổ chức và cá nhân tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân do cơ quan, đơn vị tổ chức triệu tập đảm bảo.

2. Nội dung và mức chi cụ thể (đính kèm phụ lục).

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này và cùng các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo luật định.

Điều 3.

Bãi bỏ Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VIII, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2012, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Hữu Lợi

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Số TT	Nội dung	Định mức chi			
		Đơn vị tính	Cấp thành phố	Cấp quận	Cấp phường
1	Chi hoạt động giám sát, khảo sát, kiểm tra, chất vấn				
a)	Chi cho hoạt động giám sát, khảo sát, kiểm tra:				
	- Xây dựng kế hoạch và đề cương giám sát	đồng/bộ văn bản	700.000	450.000	350.000
	- Xây dựng báo cáo kết quả giám sát, khảo sát:				
	+ Xây dựng 1 báo cáo	đồng/báo cáo	500.000	300.000	200.000
	+ Tổng hợp 2 báo cáo	đồng/báo cáo	900.000	600.000	350.000
	+ Tổng hợp 3 báo cáo trở lên	đồng/báo cáo	1.200.000	800.000	450.000
	- Người chủ trì cuộc họp.	đồng/người/buổi	200.000	140.000	100.000
	- Thành viên dự họp theo danh sách họp.	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
	- Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ họp.	đồng/người/buổi	80.000	60.000	40.000
b)	Chi đối với chuyên gia phục vụ hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND.	đồng/bài	2.000.000	1.000.000	
c)	Chi cho việc tham gia đoàn giám sát, khảo sát; phục vụ công tác giám sát, khảo sát:				
	- Trưởng đoàn	đồng/người/buổi	200.000	140.000	100.000
	- Thành viên của đoàn	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
	- Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ	đồng/người/buổi	80.000	60.000	40.000

d)	- Chi xây dựng báo cáo giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo. Mức chi do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định:	(đồng/báo cáo)	Không quá 1.200.000	Không quá 800.000	Không quá 600.000
	- Chi đi xác minh thu thập thông tin (ngoài công tác phí)	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
đ)	- Chi xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn tại kỳ họp HĐND: các báo cáo, kế hoạch chi tiết, kế hoạch điều phối, biên bản,...	đồng/bộ văn bản	1.200.000	800.000	600.000
2	Chi hoạt động thẩm tra				
	Chi xây dựng báo cáo thẩm tra (tính theo mỗi báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết,...)	đồng/văn bản	500.000	300.000	
	- Người chủ trì cuộc họp.	đồng/người/buổi	150.000	100.000	75.000
	- Thành viên dự họp theo danh sách họp.	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
	- Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ họp.	đồng/người/buổi	60.000	45.000	30.000
3	Chi các hội nghị, cuộc họp của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND; chi tại kỳ họp HĐND; chi xây dựng văn bản của Đảng đoàn				
a)	Đại biểu HĐND, đại diện chính quyền, tổ chức và cán bộ, công chức, người lao động dự các hội nghị, cuộc họp của Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND:				
	- Người chủ trì:	đồng/người/buổi	150.000	100.000	75.000
	- Thành viên tham dự:	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
	- Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ	đồng/người/buổi	60.000	45.000	30.000
b)	Chi phục vụ các hoạt động tại kỳ họp HĐND:				
	- Chủ tọa kỳ họp:	đồng/người/buổi	250.000	170.000	120.000
	- Thư ký kỳ họp:	đồng/người/buổi	200.000	140.000	100.000
	- Đại biểu HĐND:	đồng/người/buổi	150.000	100.000	70.000
	- Khách mời:	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000

	- Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ kỳ họp.	đồng/người/ buổi	80.000	60.000	40.000
	- Chi ghi ý kiến tại tổ, tại hội trường của kỳ họp HĐND	đồng/người/ buổi	80.000	60.000	40.000
	- Chi tổng hợp ý kiến các tổ thảo luận	đồng	500.000	300.000	200.000
c)	Chi rà soát hoàn thiện văn bản kỳ họp HĐND (trừ văn bản quy phạm pháp luật):	đồng/văn bản/ lần chỉnh lý	150.000	100.000	75.000
d)	Chi xây dựng chương trình (hoặc kế hoạch), báo cáo của Đảng đoàn hàng năm.	đồng/văn bản	700.000		
4	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân				
a)	Chi hỗ trợ cho nơi tổ chức tiếp xúc cử tri. Trường hợp tổ chức tiếp xúc cử tri kết hợp HĐND các cấp thì chỉ nhận 01 mức ở cấp cao nhất.	đồng/điểm	800.000	600.000	400.000
b)	Chi cho cá nhân tham gia tiếp xúc cử tri				
	- Thành viên chính thức.	đồng/người/ buổi	100.000	70.000	50.000
	- Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ.	đồng/người/ buổi	80.000	60.000	40.000
c)	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri; báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.				
	Báo cáo trình HĐND.	đồng/báo cáo	700.000	500.000	300.000
	Tổ đại biểu tổng hợp báo cáo Thường trực HĐND.	đồng/báo cáo	200.000	150.000	100.000
d)	Chi cho cá nhân tiếp công dân.				
	- Đại biểu HĐND, đại diện lãnh đạo cơ quan liên quan được phân công.	đồng/người/ buổi	150.000	100.000	70.000
	- Cán bộ, công chức phục vụ.	đồng/người/ buổi	80.000	60.000	40.000
	- Chi xây dựng báo cáo đề xuất giải quyết khiếu nại, tố cáo. Mức chi do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định.	đồng/báo cáo	Không quá 700.000	Không quá 500.000	Không quá 300.000
5	Chi công tác phí cho đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, viên chức tham gia đoàn công tác của HĐND				

a)	Đại biểu HĐND hưởng lương từ ngân sách nhà nước; cán bộ, công chức, viên chức tham gia đoàn công tác của HĐND được thanh toán công tác phí tại cơ quan, tổ chức nơi làm việc theo quy định.				
b)	Đại biểu HĐND không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, được thanh toán công tác phí theo quy định. (thanh toán tại Văn phòng ĐĐBQH và HĐND thành phố; Văn phòng HĐND và UBND quận, huyện; UBND phường, xã, thị trấn)				
c)	Tiền ăn dọc đường, mức chi theo mức tiền ăn tại kỳ họp HĐND.				
6	Chi lấy ý kiến đóng góp văn bản quy phạm pháp luật	đồng/văn bản	200.000	150.000	100.000
7	Chi lấy ý kiến đóng góp văn bản của địa phương có nội dung phức tạp do Thường trực HĐND thành phố chủ trì				
a)	- Viết bài tham luận, góp ý kiến bằng văn bản, mức chi do Thường trực HĐND thành phố quyết định	đồng/bài	400.000 - 700.000		
	- Báo cáo viên.	đồng/buổi	400.000 - 700.000		
	- Người chủ trì cuộc họp.	đồng/buổi	200.000		
	- Đại biểu dự họp.	đồng/đại biểu/buổi	100.000		
	- Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ.	đồng/người/buổi	80.000		
	- Chi viết báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	đồng/báo cáo	700.000		
b)	- Xây dựng kế hoạch, nội dung lấy ý kiến, báo cáo phân tích tổng hợp	đồng/bộ báo cáo hoàn thành	1.800.000	1.200.000	800.000
	- Chi bồi dưỡng cá nhân góp ý vào Phiếu lấy ý kiến	đồng/phiếu	25.000	15.000	10.000
c)	Cán bộ, công chức Văn phòng ĐĐBQH và HĐND thành phố được hỗ trợ kinh phí nghiên cứu dự án nghị quyết HĐND theo Chương trình xây dựng nghị quyết HĐND hàng năm. Nội dung nghiên cứu do Thường trực HĐND thành phố quyết định.	đồng/dự án/năm	300.000		
8	Chi xây dựng báo cáo giám sát, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, lĩnh vực theo yêu cầu của UBND, Ban Công tác đại biểu, cơ quan Trung ương	đồng/báo cáo	700.000	500.000	300.000
9	Chế độ chi tổng kết nhiệm kỳ và quà tặng, chi xây dựng nội dung thông tin tuyên truyền hoạt động HĐND thành phố, quận, huyện, phường, xã, thị trấn giao Thường trực HĐND cùng cấp quyết định; mức chi cấp dưới không được cao hơn cấp trên trực tiếp				

10	Chi mua báo chí, thông tin, phương tiện làm việc cho đại biểu HĐND			
a)	Đại biểu HĐND thành phố được cấp 01 tờ báo theo nhu cầu, do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cung cấp. Mức chi theo giá báo Đại biểu nhân dân trở lại.			
b)	Giao HĐND quận, huyện, HĐND phường, xã, thị trấn quyết định theo khả năng kinh phí HĐND cấp mình, nhưng không được cao hơn mức chi cấp thành phố.			
c)	Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND thành phố được trang bị 01 máy tính xách tay phục vụ hoạt động HĐND.			
d)	Giao HĐND quận, huyện quyết định trang bị 01 máy tính xách tay phục vụ hoạt động của đại biểu là thành viên của Thường trực HĐND, Ban HĐND, trong nhiệm kỳ theo khả năng kinh phí HĐND cấp mình, mức chi cho mỗi máy tính xách tay không được cao hơn mức chi cho mỗi máy tính xách tay cấp thành phố.			
đ)	Giao HĐND phường, xã, thị trấn quyết định trang bị 01 máy tính xách tay phục vụ hoạt động của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND trong nhiệm kỳ theo khả năng kinh phí HĐND cấp mình, mức chi cho mỗi máy tính xách tay không được cao hơn mức chi cho mỗi máy tính xách tay cấp quận, huyện.			
11	Chi hỗ trợ may lễ phục			
a)	- Mỗi nhiệm kỳ HĐND, mỗi đại biểu HĐND thành phố được cấp tiền may 02 bộ lễ phục. - Đối với đại biểu HĐND quận, huyện, phường, xã, thị trấn, HĐND quyết định mức hỗ trợ cho đại biểu HĐND theo khả năng ngân sách cấp mình.	đồng/bộ	5.000.000	
b)	- Mỗi nhiệm kỳ HĐND, cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng ĐTBQH và HĐND trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND được cấp tiền may 01 bộ lễ phục. - Đối với cán bộ, công chức, người lao động phục vụ trực tiếp HĐND quận, huyện, phường, xã, thị trấn, HĐND cùng cấp quyết định mức hỗ trợ theo khả năng ngân sách cấp mình.	đồng/bộ	5.000.000	
12	Chi hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe, thăm hỏi ốm đau, trợ cấp mai táng cho đại biểu HĐND			

a)	Đại biểu HĐND không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (kể cả phụ cấp đối với cán bộ xã, phường, thị trấn, ấp, khu vực) được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe	đồng/người/năm	2.000.000	1.500.000	1.000.000
b)	- Đại biểu HĐND khi bị ốm đau	đồng/người/lần	1.000.000	700.000	500.000
	- Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo	đồng/người/lần	Không quá 5.000.000	Không quá 3.500.000	Không quá 2.500.000
c)	- Cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng ĐĐBQH và HĐND thành phố; cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp phục vụ HĐND cấp quận, cấp phường (đương nhiệm, nghỉ hưu) trực tiếp giúp việc HĐND khi ốm đau, chuyển công tác, nghỉ hưu.	đồng/người/lần	1.000.000	700.000	500.000
	- Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn thì tùy theo hoàn cảnh Thường trực HĐND cùng cấp quyết định mức trợ cấp.	đồng/người/lần	Không quá 5.000.000	Không quá 3.500.000	Không quá 2.500.000
d)	Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND thành phố tặng quà cho đối tượng chính sách - xã hội, đối với cá nhân không quá 300.000 đồng/lần.				
đ)	Đại biểu HĐND các cấp đương nhiệm không hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi từ trần thì người lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng bằng 10 tháng lương tối thiểu.				
e)	Đại biểu HĐND có cha, mẹ ruột (kể cả của vợ hoặc chồng), vợ, (chồng) từ trần, được trợ cấp.	đồng/người	2.000.000	1.500.000	1.000.000